

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 07/10/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	27203327383	La Triệu Thy	Ân	19/09/2003	Bình Phước	30CYC1	V	V	Không Đạt	
2	27213144121	Lê Đào Quỳnh	Anh	16/07/2003	Gia Lai	30SBN7	8.0	5.0	Đạt	
3	27211235512	Ngô Quốc	Anh	10/11/2003	Đà Nẵng	31TSC7	5.0	7.5	Đạt	
4	27212139444	Nguyễn Hoàng	Anh	20/08/2003	Đắk Lắk	30TSC2	3.3	5.5	Không Đạt	
5	27213102402	Phạm Thảo	Anh	30/09/2003	Đà Nẵng	31SSC4	6.3	8.0	Đạt	
6	25215310834	Lê Văn	Bằng	16/05/2001	Gia Lai	31TYC8	6.7	8.5	Đạt	
7	27215442195	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	18/07/2003	Tiền Giang	31TSC7	4.3	3.9	Không Đạt	
8	28207351485	H Niã	Byã	24/04/2004	Đắk Lắk	31TSC7	5.0	6.3	Đạt	
9	26205342429	Huỳnh Thị Linh	Chi	03/07/2002	Bình Định	31TYC8	10.0	9.6	Đạt	
10	28214506865	Khuất Quang	Cường	11/11/2003	Quảng Ngãi	31TSC7	7.3	6.8	Đạt	
11	27212243259	Mai Tấn	Đôn	18/10/2003	Phú Yên	31SSC4	4.3	5.0	Không Đạt	
12	27203340973	Hà Thị Mỹ	Dung	19/04/2003	Quảng Ngãi	30TBN10	10.0	5.0	Đạt	
13	27212101491	Lê Nguyên Bảo	Duyên	31/08/2003	Quảng Nam	31TSC7	4.7	6.0	Không Đạt	
14	26211542695	Đinh Hoàng	Giang	21/09/2002	Quảng Bình	31TYC8	V	V	Không Đạt	
15	27203300533	Kiều Thị	Giang	20/11/2003	Quảng Ngãi	31TYC6	6.7	5.0	Đạt	
16	29204856420	Nguyễn Thị Thùy	Giang	01/11/2005	Quảng Ngãi	31TSC7	7.7	4.0	Không Đạt	
17	27202236102	Tôn Khánh	Hân	04/10/2003	Gia Lai	30TSC7	7.3	3.3	Không Đạt	
18	26207200762	Đặng Thị Thanh	Hằng	04/09/2001	Quảng Trị	31SSC4	6.7	5.1	Đạt	
19	27212154241	Kiều Văn	Hậu	20/10/2003	Đà Nẵng	30TBN3	3.0	5.0	Không Đạt	
20	28204601424	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	22/10/2004	Quảng Nam	31TSC7	6.7	5.0	Đạt	
21	29206540512	Trần Thị Thu	Hiền	18/08/2005	Quảng Bình	31SSC4	5.0	4.0	Không Đạt	
22	26215433380	Trần Khải	Hoàn	01/12/2002	Quảng Bình	31TYC8	8.0	5.4	Đạt	
23	27212180006	Tạ Huy	Hoàng	21/05/2002	Đà Nẵng	29TSC4	5.7	8.5	Đạt	
24	27214326866	Trần Huy	Hoàng	26/01/2003	Huế	31TYC8	6.7	9.0	Đạt	
25	28216548112	Lê Cao Anh	Hung	23/07/2004	Quảng Nam	31THT1	6.7	5.0	Đạt	
26	28204953963	Ngô Diệu	Huong	10/05/2004	Quảng Bình	31TSC7	5.3	5.5	Đạt	
27	28206500215	Nguyễn Thị Thanh	Huong	20/12/2004	Gia Lai	31CHT3	3.3	5.3	Không Đạt	
28	26215339279	Huỳnh Nam	Huy	07/11/2002	Phú Yên	31TYC8	8.0	5.8	Đạt	
29	2211612469	Thân Ngọc	Huy	12/11/1997	Gia Lai	31TSC7	2.3	3.8	Không Đạt	
30	28204600226	Bùi Thị Thanh	Huyền	14/10/2004	Đắk Lắk	31TSC7	V	V	Không Đạt	
31	30208127573	Đinh Phạm Khánh	Huyền	26/01/2006	Đà Nẵng	31TSC7	5.3	6.1	Đạt	
32	29202737178	Hà Đoàn Ngọc	Huyền	06/06/2005	Quảng Nam	31TSC7	6.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206254850	Trần Thị Khánh	Huyền	07/08/2003	Hà Tĩnh	30TSC13	8.0	3.4	Không Đạt	
34	27215450347	Võ Duy	Khang	21/03/2003	Gia Lai	31SSC4	5.0	5.0	Đạt	
35	27205431007	Nguyễn Diệp Bảo	Khanh	17/12/2003	Bình Định	31TSC7	8.3	6.8	Đạt	
36	27211329762	Lê Huy	Khiêm	10/08/2002	Đắk Lắk	31TYC8	5.0	5.8	Đạt	
37	27212137517	Võ Tuấn	Kiệt	18/08/2003	Quảng Ngãi	30TBN2	3.0	5.0	Không Đạt	
38	28209327165	Nguyễn Thị	Lành	19/11/2004	Quảng Nam	31TSC7	9.0	7.0	Đạt	
39	29207164489	Nguyễn Thị Khánh	Linh	08/09/2005	Gia Lai	31SSC4	V	V	Không Đạt	
40	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/03/2003	Quảng Nam	31TSC7	6.0	4.0	Không Đạt	
41	27203334062	Trần Thị Diệu	Ly	10/08/2003	Đà Nẵng	30SHT7	8.0	5.3	Đạt	
42	27215342754	Trương Hồ Thảo	Ly	09/02/2003	Quảng Nam	31TBN8	4.3	6.8	Không Đạt	
43	27202242739	Trần Thị Xuân	Mai	10/02/2003	Quảng Nam	30CBN4	4.7	0.0	Không Đạt	
44	26214335804	Chu Minh	Mẫn	24/01/2002	Hồ Chí Minh	31SSC4	V	V	Không Đạt	
45	28206553538	Hồ Phương	Nga	14/12/2004	Thanh Hóa	31SSC4	9.0	8.5	Đạt	
46	28206551553	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	25/10/2004	Quảng Ngãi	31TYC8	V	V	Không Đạt	
47	29202740397	Phạm Thị Bảo	Ngọc	16/12/2005	Đà Nẵng	31TSC7	7.3	7.3	Đạt	
48	28214604224	Đồng Xuân	Nguyên	29/08/2004	Lâm Đồng	31TYC8	5.7	7.5	Đạt	
49	27216734849	Lê Tây	Nguyên	24/06/2003	Đắk Lắk	31TYC8	8.0	5.0	Đạt	
50	27204330443	Lê Thị Hạnh	Nguyên	25/03/2003	Quảng Nam	31TYC8	7.3	8.3	Đạt	
51	26211333607	Thái An	Nguyên	02/05/2002	Gia Lai	30TBN14	5.7		Không Đạt	
52	27204329543	Nguyễn Thủy	Nhật	04/09/2003	Đắk Lắk	31TYC8	8.0	6.5	Đạt	
53	27205337662	Đặng Lê Thảo	Nhi	07/09/2003	Quảng Bình	31SSC4	6.7	6.3	Đạt	
54	29209353491	Lê Kim Ngọc	Nhi	27/04/2005	Gia Lai	31SSC4	8.0	9.3	Đạt	
55	28208034926	Nguyễn Thị Yên	Nhi	30/10/2004	Đắk Lắk	31SBN3	8.7	9.5	Đạt	
56	29206558628	Trần Đặng Yên	Nhi	22/02/2005	Đà Nẵng	31TSC7	8.7	5.5	Đạt	
57	29204555431	Trần Thị Phương	Nhi	01/07/2005	Quảng Ngãi	31SSC4	7.7	7.8	Đạt	
58	28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	26/08/2004	Quảng Ngãi	31SSC4	5.7	4.1	Không Đạt	
59	28204351237	Trần Thị Ngọc	Như	08/11/2003	Đắk Lắk	31TSC7	7.3	9.3	Đạt	
60	29219353494	Lê Kim Ngọc	Nhung	27/04/2005	Gia Lai	31SSC4	8.7	9.3	Đạt	
61	29206558768	Nguyễn Thị	Phấn	06/09/2005	Quảng Ngãi	31TSC7	7.3	6.3	Đạt	
62	26215333896	Phạm Đình	Phú	27/12/2002	Quảng Bình	31TYC8	8.3	9.3	Đạt	
63	26215334948	Lương Hoàng	Phúc	27/05/2002	Đắk Lắk	31TYC8	8.7	8.5	Đạt	
64	27211243990	Phan Song Nhật	Phương	08/04/2003	Huế	30TYC9	6.0	5.0	Đạt	
65	28216554530	Nguyễn Đức	Tài	28/12/2004	Quảng Nam	31SSC4	7.0	9.3	Đạt	
66	27211321850	Thái Thiện	Tâm	26/12/2003	Đà Nẵng	31TYC8	8.0	8.5	Đạt	
67	28214554602	Đỗ Đăng	Tấn	28/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC7	7.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28218136261	Nguyễn Hữu Hoàng	Thạch	15/08/2004	Hà Tĩnh	31TSC7	5.7	9.8	Đạt	
69	26215339331	Phạm Ngọc	Thạch	01/11/2002	Vũng Tàu	31TYC8	8.7	9.3	Đạt	
70	27202433120	Lê Thị Thanh	Thanh	22/09/2003	Đà Nẵng	31TSC7	V	V	Không Đạt	
71	27216700892	Lê Văn	Thành	26/08/2003	Quảng Nam	31TYC8	8.3	6.8	Đạt	
72	27205324992	Lê Phương	Thảo	01/03/2003	Quảng Bình	31TSC7	5.7	10.0	Đạt	
73	29207456200	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2005	Đà Nẵng	31SSC4	8.0	6.3	Đạt	
74	27212201483	Nguyễn Hoàng	Thiện	20/07/2003	Quảng Nam	30TSC9	0.0	0.0	Không Đạt	
75	26215339339	Lê Quang	Thịnh	17/08/2001	Bình Định	31TYC8	7.3	8.8	Đạt	
76	29204620753	Trần Thị Thu	Thùy	24/10/2005	Quảng Nam	31TSC7	7.0	9.0	Đạt	
77	27205400566	Trần Thị Thùy	Tiên	05/11/2003	Quảng Nam	31TSC7	7.7	9.5	Đạt	
78	28212728575	Võ Đăng	Tiến	27/07/2004	Đà Nẵng	31TYC8	6.0	5.0	Đạt	
79	28218003900	Đoàn Thanh	Trà	08/09/2004	Quảng Ngãi	31TYC1	8.0	5.0	Đạt	
80	28207103182	Nguyễn Thị Khánh	Trâm	26/04/2003	Gia Lai	31TYC8	4.7	5.0	Không Đạt	
81	29206658899	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	14/03/2005	Quảng Ngãi	31SSC4	8.7	8.0	Đạt	
82	29204627680	Trương Lê Ngọc	Trâm	07/07/2005	Quảng Nam	31CHT4	9.7	8.8	Đạt	
83	28204603616	Dương Thị Huyền	Trang	30/01/2004	Quảng Bình	31TSC7	3.3	4.0	Không Đạt	
84	29202750127	Trần Ngọc Hạnh	Trang	07/03/2005	Quảng Bình	31TSC7	9.7	8.3	Đạt	
85	27211329905	Văn Ngọc Nhật	Trí	19/02/2003	Quảng Trị	30CBN10	6.3	5.8	Đạt	
86	28206502823	Cao Thị Kiều	Trình	20/02/2004	Thừa Thiên H	31THT1	7.0	5.5	Đạt	
87	27212143479	Đoàn Lê Phương	Trình	23/06/2003	Quảng Nam	30TYC2	7.0	5.3	Đạt	
88	26205336291	Nguyễn Thanh	Trúc	01/04/2002	Phú Yên	31TYC8	9.7	9.5	Đạt	
89	26215334628	Nguyễn Nhật	Trường	21/04/2002	Quảng Ngãi	31TYC8	10.0	9.8	Đạt	
90	27204324083	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	17/04/2003	Đà Nẵng	31SSC4	9.3	10.0	Đạt	
91	28204621463	Nguyễn Anh	Tú	22/08/2004	Đắk Lắk	31SSC4	8.0	5.8	Đạt	
92	28207430780	Nguyễn Thị Minh	Tú	15/01/2004	Đắk Lắk	31TYC8	9.0	5.4	Đạt	
93	27202138850	Trương Thị Thanh	Tuyết	13/10/2003	Quảng Nam	31TSC7	5.3	5.3	Đạt	
94	28206549248	Lê Thị Vi	Va	06/10/2004	Quảng Ngãi	31SSC4	9.7	5.3	Đạt	
95	26205436390	Đỗ Thị Bích	Vân	06/01/2002	Bình Định	31TYC8	9.0	9.0	Đạt	
96	27205343035	Phạm Trần Nhật	Vi	23/11/2002	Đắk Lắk	31TYC8	9.0	8.3	Đạt	
97	27207138543	Trần Hoàng Ái	Vi	22/04/2003	Quảng Trị	31TYC8	6.3	5.0	Đạt	
98	27203932822	Hồ Thị Mỹ	Việt	01/08/2003	Nghệ An	30CYC1	4.3	3.9	Không Đạt	
99	27212232345	Hồ Võ Lệ	Vương	03/08/2003	Quảng Nam	31TSC7	7.7	7.0	Đạt	
100	27211539685	Lê Hùng	Vỹ	13/04/2003	Đắk Lắk	30CHT8	10.0	8.5	Đạt	
101	27205337717	Nguyễn Thị Nhật	Ý	12/02/2003	Quảng Nam	31TYC8	8.7	9.5	Đạt	
102	27205342342	Nguyễn Thị Như	Ý	11/06/2003	Quảng Nam	31TBN8	8.0	8.9	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh